

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống chợ, siêu thị,  
trung tâm thương mại tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và  
định hướng đến năm 2030**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét tờ trình số 125/TTr-HĐTĐ ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thẩm định Quy hoạch phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, như sau:

## **I. Quan điểm phát triển**

- Phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành thương mại và các quy hoạch phát triển của ngành kinh tế khác, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của dân cư.

- Phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trở thành hệ thống hạ tầng thương mại chủ yếu của tỉnh, dẫn dắt hệ thống cửa hàng thương mại theo hướng hiệu quả, văn minh, hiện đại, đồng thời bảo đảm duy trì và phát huy được các yếu tố truyền thống đặc trưng và điển hình của chợ.

- Phát triển mạnh mẽ lực lượng thương nhân tham gia kinh doanh trong hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư xây dựng hệ thống đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn Nhà nước quy định.

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn đảm bảo hệ thống phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, chú trọng đến an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường.

## **II. Mục tiêu phát triển**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại đồng bộ, hài hòa với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế, đáp ứng yêu cầu cho sản xuất hàng hóa và nhu cầu cho đời sống nhân dân, qua đó thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển ngành thương mại, phát triển ngành công nghiệp chế biến chế tạo và nông nghiệp.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Giai đoạn đến năm 2020: xây mới 16 chợ (trong đó có 14 chợ xây trên nền cũ); nâng cấp, cải tạo 42 chợ; di dời 02 chợ; xóa và chuyển đổi công năng 03 chợ. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh sẽ có 117 chợ.

- Giai đoạn 2021-2025: xây mới 16 chợ (trong đó có 14 chợ xây trên nền chợ cũ); nâng cấp, cải tạo 3 chợ. Đến năm 2025, toàn tỉnh sẽ có 119 chợ.

- Phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị tại thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải và một số thị trấn trung tâm các huyện.

- Nâng tỷ trọng hàng hoá và dịch vụ trao đổi qua hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại chiếm 60-65% vào năm 2025.

- Đảm bảo 100% chợ ở đô thị đạt mục tiêu thu đủ chi, chợ nuôi chợ, từng bước xóa bỏ các tụ điểm buôn bán tự phát trên địa bàn.

*\* Mục tiêu đến năm 2030:*

- Duy trì hệ thống chợ đạt tiêu chuẩn Nhà nước quy định, đảm bảo văn minh thương mại, nâng cao chất lượng phục vụ.

- Tiếp tục phát triển siêu thị, trung tâm thương mại tại các thị trấn trung tâm các huyện, tại các khu đô thị mới.

- Từng bước đưa chợ nông thôn thu đủ chi, chợ nuôi chợ.

### III. Quy hoạch phát triển

#### 1. Quy hoạch phát triển hệ thống chợ

##### 1.1. Chợ đầu mối:

Xây dựng 01 chợ đầu mối thủy sản tại khóm 1, phường 2, thị xã Duyên Hải.

##### 1.2. Chợ tổng hợp bán buôn, bán lẻ, chợ dân sinh:

Bên cạnh các chợ giữ nguyên, quy hoạch phát triển hệ thống chợ như sau:

**Bảng tổng hợp quy hoạch phát triển chợ**

| TT        | Tên chợ                    | Quy hoạch | Hạng | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Vốn đầu tư tối thiểu (tỷ đồng) |
|-----------|----------------------------|-----------|------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>TP. Trà Vinh</b>        |           |      |                                 |                                |
|           | <i>Giai đoạn đến 2020</i>  |           |      |                                 |                                |
| 1         | Trung tâm Trà Vinh         | Xây mới   | 1    | 14.000                          | 120,0                          |
| 2         | Phường 1                   | Nâng cấp  | 3    | 3.349                           | 1,5                            |
| 3         | Chợ Đêm                    | Di dời    | 3    | 1.000                           |                                |
| 4         | Ba Trường                  | Di dời    | 3    | 577                             | 2,5                            |
| 5         | Vĩnh Yên (KCN Long Đức)    | Xây mới   | 3    | 2.000                           | 2,5                            |
|           | <i>Giai đoạn 2021-2025</i> |           |      |                                 |                                |
| 6         | Phường 2                   | Xây mới   | 3    | 1.062                           | 2,5                            |
| 7         | Phường 8                   | Xây mới   | 3    | 1.700                           | 2,5                            |
| 8         | Sóc Ruộng                  | Xây mới   | 3    | 2.000                           | 2,5                            |
| <b>II</b> | <b>Huyện Càng Long</b>     |           |      |                                 |                                |
|           | <i>Giai đoạn đến 2020</i>  |           |      |                                 |                                |
| 1         | Tân An                     | Xây mới   | 2    | 7,040                           | 3,0                            |
| 2         | Mỹ Huê                     | Xây mới   | 3    | 8,903                           | 2,5                            |
| 3         | Rạch Bàng                  | Nâng      | 3    | 690                             | 1,5                            |

| TT         | Tên chợ                           | Quy hoạch | Hạng | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Vốn đầu tư tối thiểu (tỷ đồng) |
|------------|-----------------------------------|-----------|------|---------------------------------|--------------------------------|
|            |                                   | cấp       |      |                                 |                                |
| 4          | Áp 7 (An Trường)                  | Nâng cấp  | 3    | 3,081                           | 1,5                            |
| 5          | Bình Phú                          | Xây mới   | 3    | 8.000                           | 2,5                            |
| 6          | Lo Co                             | Xây mới   | 3    | 3,236                           | 2,5                            |
|            | <b><i>Giai đoạn 2021-2025</i></b> |           |      |                                 |                                |
| 7          | Phương Thạnh                      | Nâng cấp  | 3    | 440                             | 1,5                            |
| 8          | Huyền Hội                         | Nâng cấp  | 3    | 1,915                           | 1,5                            |
| 9          | Dừa Đỏ                            | Xây mới   | 3    | 2.500                           | 2,5                            |
| <b>III</b> | <b>Huyện Cầu Kè</b>               |           |      |                                 |                                |
|            | <b><i>Giai đoạn đến 2020</i></b>  |           |      |                                 |                                |
| 1          | Bến Đình (Dinh An)                | Nâng cấp  | 2    | 1.000                           | 1,5                            |
| 2          | Phong Thạnh                       | Xây mới   | 3    | 5.000                           | 3,0                            |
| 3          | Ngã Hậu                           | Xây mới   | 3    | 7.500                           | 3,0                            |
| 4          | Trà Ôt                            | Xây mới   | 3    | 5.500                           | 2,5                            |
| 5          | Phố                               | Nâng cấp  | 3    | 5.000                           | 1,5                            |
|            | <b><i>Giai đoạn 2021-2025</i></b> |           |      |                                 |                                |
| 6          | Ô Rôm                             | Xây mới   | 3    | 2.000                           | 3,0                            |
| 7          | An Bình                           | Xây mới   | 3    | 2.000                           | 3,0                            |
| 8          | Cây Xanh                          | Xây mới   | 3    | 5.200                           | 3,0                            |
| 9          | Bà My                             | Xây mới   | 3    | 3.000                           | 3,0                            |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Tiểu Cần</b>             |           |      |                                 |                                |
|            | <b><i>Giai đoạn đến 2020</i></b>  |           |      |                                 |                                |
| 1          | Hiếu Trung                        | Nâng cấp  | 3    | 5.818                           | 1,5                            |

| TT       | Tên chợ                   | Quy hoạch  | Hạng | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Vốn đầu tư tối thiểu (tỷ đồng) |
|----------|---------------------------|------------|------|---------------------------------|--------------------------------|
| 2        | Từ Ô 1                    | Nâng cấp   | 3    | 2.320                           | 1,5                            |
| 3        | Rạch Lộp                  | Nâng cấp   | 3    | 1.140                           | 1,5                            |
| 4        | Tập Ngãi                  | Nâng cấp   | 3    | 1.350                           | 1,5                            |
| 5        | Lò Ngò                    | Nâng cấp   | 3    | 5.285                           | 1,5                            |
| 6        | Tiểu Cản                  | Nâng cấp   | 2    | 5.700                           | 1,5                            |
| 7        | Chợ đêm                   | Vị trí mới | 3    | 1.000                           |                                |
| 8        | Cầu Quan                  | Xóa        |      |                                 |                                |
| <b>V</b> | <b>Huyện Châu Thành</b>   |            |      |                                 |                                |
|          | <i>Giai đoạn đến 2020</i> |            |      |                                 |                                |
| 1        | Thị trấn Châu Thành       | Xây mới    | 2    | 2.934                           | 8,0                            |
| 2        | Ba Se B                   | Nâng cấp   | 3    | 1.359                           | 1,5                            |
| 3        | Song Lộc                  | Nâng cấp   | 3    | 1.600                           | 1,6                            |
| 4        | Hòa Thuận                 | Nâng cấp   | 3    | 961                             | 1,5                            |
| 5        | Vĩnh Bảo                  | Xóa        |      |                                 |                                |
| 6        | Phước Hảo                 | Nâng cấp   | 3    | 3.357                           | 3,4                            |
| 7        | Vang Nhứt                 | Nâng cấp   | 3    | 1.000                           | 1,5                            |
| 8        | Bãi Vàng                  | Nâng cấp   | 3    | 10.796                          | 10,8                           |
| 9        | Mỹ Chánh                  | Nâng cấp   | 3    | 1.365                           | 1,5                            |
| 10       | Thanh Nguyên B            | Nâng cấp   | 3    | 1.000                           | 1,5                            |
| 11       | Long Hòa                  | Nâng cấp   | 3    | 1.764                           | 1,8                            |
| 12       | Hòa Minh                  | Xây mới    | 3    | 2.000                           | 2,5                            |

| TT         | Tên chợ                           | Quy hoạch | Hạng | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Vốn đầu tư tối thiểu (tỷ đồng) |
|------------|-----------------------------------|-----------|------|---------------------------------|--------------------------------|
| 13         | Long Hưng I                       | Nâng cấp  | 3    | 404                             | 1,5                            |
| 14         | Hòa Lợi                           | Nâng cấp  | 3    | 3.720                           | 1,5                            |
| 15         | Cầu Xây                           | Nâng cấp  | 3    | 17.480                          | 1,5                            |
| 16         | Sâm Bua                           | Nâng cấp  | 3    | 1.081                           | 1,5                            |
|            | <b><i>Giai đoạn 2021-2025</i></b> |           |      |                                 |                                |
| 17         | Rạch Vồn                          | Nâng cấp  | 3    | 1.100                           | 1,5                            |
| <b>VI</b>  | <b>Huyện Cầu Ngang</b>            |           |      |                                 |                                |
|            | <b><i>Giai đoạn đến 2020</i></b>  |           |      |                                 |                                |
| 1          | Cầu Ngang                         | Nâng cấp  | 2    | 13.650                          | 15,0                           |
| 2          | Tân Lập                           | Nâng cấp  | 3    | 960                             | 1,5                            |
| 3          | Mai Hương                         | Nâng cấp  | 3    | 188                             | 1,5                            |
| 4          | Mỹ Hòa                            | C/đổi     |      |                                 |                                |
| 5          | Trường Thọ                        | Nâng cấp  | 3    | 2.500                           | 1,5                            |
|            | <b><i>Giai đoạn 2021-2025</i></b> |           |      |                                 |                                |
| 6          | Cẩm Hương                         | Xây mới   | 3    | 300                             | 3,0                            |
| <b>VII</b> | <b>Huyện Trà Cú</b>               |           |      |                                 |                                |
|            | <b><i>Giai đoạn đến 2020</i></b>  |           |      |                                 |                                |
| 1          | Trà Cú                            | Nâng cấp  | 2    | 18.049                          | 10,5                           |
| 2          | Đại An                            | Nâng cấp  | 2    | 8.196                           | 5,0                            |
| 3          | Phước Hưng                        | Nâng cấp  | 3    | 5.450                           | 1,5                            |
| 4          | Đầu Giồng                         | Nâng cấp  | 3    | 4.654                           | 1,5                            |
| 5          | Tập Sơn                           | Nâng      | 3    | 4.505                           | 1,5                            |

| TT          | Tên chợ                           | Quy hoạch | Hạng | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Vốn đầu tư tối thiểu (tỷ đồng) |
|-------------|-----------------------------------|-----------|------|---------------------------------|--------------------------------|
|             |                                   | cấp       |      |                                 |                                |
| 6           | Tha La                            | Nâng cấp  | 3    | 1.872                           | 1,5                            |
| 7           | Long Hiệp                         | Nâng cấp  | 3    | 7.903                           | 1,5                            |
| 8           | An Quảng Hữu                      | Nâng cấp  | 3    | 3.918                           | 1,5                            |
| 9           | An Nghiệp                         | Nâng cấp  | 3    | 250                             | 1,5                            |
| 10          | Leng                              | Nâng cấp  | 3    | 528                             | 1,8                            |
|             | <b><i>Giai đoạn 2021-2025</i></b> |           |      |                                 |                                |
| 11          | Thanh Sơn                         | Xây mới   | 3    | 2.000                           | 2,0                            |
| 12          | Hàm Tân                           | Xây mới   | 3    | 2.000                           | 2,0                            |
| 13          | Định An                           | Xây mới   | 3    | 2.000                           | 5,0                            |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Duyên Hải</b>            |           |      |                                 |                                |
|             | <b><i>Giai đoạn đến 2020</i></b>  |           |      |                                 |                                |
| 1           | Ngũ Lạc                           | Nâng cấp  | 3    | 7.202                           | 1,5                            |
| 2           | Long Thành                        | Xây mới   | 3    | 3.000                           | 3,0                            |
| 3           | Đôn Châu                          | Nâng cấp  | 3    | 6.684                           | 1,5                            |
| 4           | Cồn Cù                            | Xây mới   | 3    | 3.000                           | 3,0                            |
| 5           | Long Vĩnh                         | Nâng cấp  | 3    | 2.896                           | 1,5                            |
|             | <b><i>Giai đoạn 2021-2025</i></b> |           |      |                                 |                                |
| 6           | Cái Đôi                           | Xây mới   | 3    | 2.000                           | 3,0                            |
| <b>IX</b>   | <b>Thị xã Duyên Hải</b>           |           |      |                                 |                                |
|             | <b><i>Giai đoạn đến 2020</i></b>  |           |      |                                 |                                |
| 1           | Dân Thành                         | Nâng cấp  | 3    | 4.294                           | 1,5                            |
| 2           | Trường Long Hòa                   | Xây mới   | 3    | 4.472                           | 2,5                            |

| TT | Tên chợ                    | Quy hoạch | Hạng | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Vốn đầu tư tối thiểu (tỷ đồng) |
|----|----------------------------|-----------|------|---------------------------------|--------------------------------|
|    | <i>Giai đoạn 2021-2025</i> |           |      |                                 |                                |
| 4  | Hiệp Thạnh                 | Xây mới   | 3    | 5.450                           | 3,0                            |
| 5  | Long Toàn                  | Xây mới   | 3    | 2.000                           | 3,0                            |
| 6  | Long Hữu                   | Xây mới   | 3    | 2.000                           | 3,0                            |

Chợ xây mới, nâng cấp phải tuân thủ các quy định của Nhà nước. Quy định hiện hành là Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ Về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Quyết định số 6481/QĐ-BCT ngày 26/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng Việt Nam QCVN: 01/2008/BXD; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9211:2012 đối với Chợ và tiêu chuẩn thiết kế.

## 2. Quy hoạch phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại

Ngoài hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại hiện có, quy hoạch phát triển siêu thị tổng hợp và trung tâm thương mại hạng III, như sau:

| TT | ĐỊA BÀN                    | TTTT | ST | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Vốn đầu tư tối thiểu (tỷ đồng) |
|----|----------------------------|------|----|---------------------------------|--------------------------------|
|    | <i>Giai đoạn 2016-2020</i> |      |    |                                 |                                |
| 1  | TX. Duyên Hải              |      | 1  | 2.000                           | 4                              |
|    | <i>Giai đoạn 2021-2025</i> |      |    |                                 |                                |
| 1  | H. Càng Long               |      | 1  | 5.800                           | 6                              |
| 2  | H. Cầu Kè                  |      | 1  | 5.000                           | 6                              |
| 3  | H. Tiểu Cần                |      | 2  | 2.000                           | 10                             |
| 4  | H. Châu Thành              |      | 1  | 1.500                           | 3                              |
| 5  | H. Cầu Ngang               |      | 1  | 1.000                           | 3                              |
| 6  | H. Trà Cú                  |      | 1  | 3.200                           | 5                              |
| 7  | H. Duyên Hải               |      | 1  | 1.000                           | 3                              |
| 8  | TX. Duyên Hải              | 1    |    | 10.000                          | 50                             |



Siêu thị, trung tâm thương mại xây mới, nâng cấp phải tuân thủ các quy định của Nhà nước. Quy định hiện hành là Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại Về việc ban hành Quy chế Siêu thị, Trung tâm thương mại; Quyết định số 6184/QĐ-BCT ngày 19/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến 2020 và tầm nhìn đến 2030

## **V. Giải pháp thực hiện**

### **1. Về thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư**

Vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại có thể từ các nguồn: vốn Ngân sách Nhà nước, vốn vay tín dụng, vốn từ các hộ kinh doanh và các nguồn vốn xã hội khác.

+ *Ngân sách trung ương*: hỗ trợ vốn đầu tư chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 về phát triển và quản lý chợ và Nghị định 114/2010/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 về phát triển và quản lý chợ.

+ *Ngân sách địa phương*: hỗ trợ đối với chợ đầu mối và chợ hạng 2, hạng 3 ở địa bàn nông thôn thuộc các huyện, xã còn nhiều khó khăn về kinh tế và không có khả năng tự xây dựng chợ.

+ *Nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế*:

- Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại thu hút nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp có quy mô về tài chính và năng lực, kinh nghiệm trong hoạt động thương mại; Hệ thống chợ từng bước xã hội hóa đầu tư từ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể; từ các nguồn viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, đầu tư xây dựng và quản lý, kinh doanh chợ tại vùng nông thôn thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Đầu tư hệ thống chợ cần thực thi nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị 09-CT/TU ngày 01/6/2016 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác đổi mới quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư và phát triển chợ.

- Cần tính toán quy mô nâng cấp, xây dựng mới từng chợ cho phù hợp với nhu cầu của các hộ kinh doanh trong chợ và nhu cầu mua bán của dân cư trên địa bàn.

- Cần đẩy nhanh tiến trình xã hội hóa chợ, hướng đến mục tiêu chợ là hạ tầng thương mại phải đạt hiệu quả kinh tế, trước hết lấy chợ nuôi chợ. Yêu cầu các hộ kinh doanh ở bên ngoài, nhất là các hộ kinh doanh đang lấn chiếm đường giao thông, hè phố vào chợ. Cần có giải pháp đồng bộ kết hợp giữa động viên, tuyên truyền với việc thực thi nghiêm túc quy định của các pháp luật đối các hộ kinh doanh tại các điểm họp chợ bất hợp pháp.

## **2. Về đất đai**

- Các địa phương cần có quỹ đất riêng cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tổng hợp từ hạng III trở lên. Tạo điều kiện hỗ trợ về thủ tục pháp lý đối với việc mua bán, thuê hoặc chuyển đổi quyền sử dụng đất theo pháp luật đất đai và đầu tư hiện hành.

- Đối với chợ hoạt động có vị trí không còn phù hợp cần phải di dời đến địa điểm mới, các địa phương chủ động tạo quỹ đất để đầu tư hoặc cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đầu tư.

- Khuyến khích doanh nghiệp tự tìm đất đầu tư hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo quy hoạch.

- Tạm thời giữ nguyên các chợ yêu cầu di dời cho đến khi có chợ mới thay thế.

- Sử dụng hiệu quả đất của các chợ xóa, chuyển đổi.

## **3. Về đào tạo nguồn nhân lực**

- Từng bước thay thế hoặc tổ chức đào tạo, đào tạo lại đội ngũ quản lý các chợ, nhất là các chợ đang có Ban quản lý, cá nhân chuyên trách về nghiệp vụ quản lý, về pháp luật kinh doanh chợ, về chủ trương nâng cao hiệu quả kinh doanh chợ, từng bước xóa bỏ bao cấp chợ.

- Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ về vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng hàng hoá, chống hàng giả, hàng không bảo đảm chất lượng, phòng chống cháy nổ... đối với doanh nghiệp, ban quản lý, cán bộ quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các doanh nghiệp, hộ cá thể kinh doanh;

## **4. Về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm**

Nâng cấp, xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại phải đảm bảo tuân thủ các quy định về phòng chữa cháy, đảm bảo vệ sinh môi trường.

## **5. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước**

- Đơn giản hoá thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng và công bố quy trình thủ tục hành chính về đầu tư hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp; có sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan hữu quan.

- Tập trung giải tỏa triệt để chợ tự phát, các hộ kinh doanh lấn chiếm lòng lề đường và sắp xếp vào chợ đã quy hoạch.

- Thường xuyên, tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh chợ và các ban quản lý chợ.

*(Nội dung chi tiết thực hiện Quy hoạch đính kèm)*

## **VI. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Công thương:**

- Chủ trì triển khai quy hoạch này, công bố quy hoạch trên website của Sở, xây dựng quy chế phối hợp với các Sở ngành có liên quan và UBND thành phố, các huyện, thị xã để tổ chức thực hiện.

- Tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương địa điểm đầu tư hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh. Tham gia thẩm định dự án đầu tư hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo thẩm quyền.

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước về chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Hàng năm, tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương; đồng thời kiến nghị UBND tỉnh và Bộ Công Thương hoàn thiện cơ chế chính sách về quản lý và phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Lồng ghép chính sách kêu gọi thu hút đầu tư phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại vào chương trình thu hút đầu tư của tỉnh.

- Xem xét bố trí kế hoạch vốn đầu tư chợ hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố và thẩm định các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách.

- Hướng dẫn và cấp giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh.

### **3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

Phối hợp cùng Sở Công Thương, các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố, các huyện, thị xã tổ chức triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ ở các xã nông thôn mới phù hợp với quy hoạch.

### **4. Sở Tài nguyên và môi trường:**

- Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban ngành có liên quan hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất và sử dụng quỹ đất để đầu tư xây dựng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo kế hoạch hàng năm và 5 năm, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn và thực hiện trình tự thủ tục về đất đai để đầu tư xây dựng phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo quy định.

- Hướng dẫn và thực hiện công tác quản lý nhà nước về môi trường tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.

### **5. Sở Xây dựng:**

- Chủ trì, phối hợp Sở Công Thương và các cấp, các ngành có liên quan về giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo quy hoạch.

- Có trách nhiệm quản lý về quy hoạch và kiến trúc đối với tất cả các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.

- Thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về quy hoạch và xây dựng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh và thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### **6. Ban Quản lý Khu kinh tế và các Sở, ngành có liên quan**

Căn cứ chức năng quản lý nhà nước của ngành mình cùng phối hợp để triển khai, thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

#### **7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:**

- Công khai quy hoạch phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo địa bàn, kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư;

- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn ngân sách hàng năm cho việc đầu tư xây dựng chợ;

- Thẩm định địa điểm đầu tư chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo quy hoạch, xét duyệt dự án đầu tư chợ theo phân cấp hoặc theo uỷ quyền của UBND tỉnh;

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước theo phân cấp; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch và hoạt động chợ, siêu thị, trung tâm thương mại về Sở Công Thương.

- Chỉ đạo các phòng, ban có liên quan giải tỏa chợ tự phát và lắp đặt biển cấm họp chợ với mọi hình thức.

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương làm đầu mối phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện quy hoạch, giám sát thực hiện quy hoạch, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh và địa phương.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ Công Thương (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- BLĐ. VP UBND tỉnh;
- Phòng CNXD;
- Lưu VT, KT.



KI. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng